

Số: 237/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 – 2025 - Nguồn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/QH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 970/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 Nguồn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung đoạn đầu tiên và khoản 1 Điều 1 như sau:

"Tổng kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 là **19.850,9** tỷ đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách cấp tỉnh 15.339,34 tỷ đồng, bao gồm: cân đối ngân sách cấp tỉnh 4.335,992 tỷ đồng; nguồn thu sử dụng đất, thuê đất 1.167,3 tỷ đồng; xổ số kiến thiết 9.109,56 tỷ đồng; nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2020 sang năm 2021 là 10,998 tỷ đồng; nguồn bồi chi ngân sách địa phương 155,497 tỷ đồng; nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 là 35,641 tỷ đồng; nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh còn dư 7,297 tỷ đồng; nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 là 517,055 tỷ đồng".

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 của Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước như sau:

"1. Số vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách cấp tỉnh 15.339,34 tỷ đồng được phân bổ cho các ngành, lĩnh vực và các huyện, thị xã, thành phố như sau:

a) Phân bổ vốn cho các dự án cấp tỉnh quản lý 9.809,055 tỷ đồng, trong đó:

- Phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh 9.462 tỷ đồng (chuẩn bị đầu tư 100 tỷ đồng; Thanh toán khối lượng đã và đang thực hiện 406,576 tỷ đồng; thực hiện dự án 8.955,424 tỷ đồng).

- Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 (còn chưa phân khai) 347,055 tỷ đồng.

b) Điều chỉnh mức vốn hỗ trợ mục tiêu cho từng huyện, thị xã, thành phố 5.530,285 tỷ đồng.

2. Điều chỉnh giảm (-)/tăng (+) và bổ sung chi tiết nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, bao gồm danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh đã hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III và các biểu chi tiết từng ngành, lĩnh vực kèm theo Nghị quyết này)"

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 19 thông qua và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I

TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 231/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN	KẾ HOẠCH TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG	KẾ HOẠCH SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ	GHI CHÚ
	TỔNG VỐN NSDP	19.900.483	-49.583	19.850.900		
I	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	15.388.923	-49.583	15.339.340		
1.1	Cơ cấu nguồn ngân sách tỉnh	15.388.923	-49.583	15.339.340		
1	Cân đối ngân sách địa phương	4.902.630	-566.638	4.335.992		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuế đất	1.167.300		1.167.300		
3	Xổ số kiến thiết	9.109.560		9.109.560		
3.1	Xổ số kiến thiết (theo dự toán)	8.900.000		8.900.000		
3.2	Nguồn tăng thu XSKT năm 2020	209.560		209.560		
4	Nguồn tiết kiệm chi NS cấp tỉnh năm 2020 sang năm 2021	10.998		10.998		
5	Nguồn bội chi NSDP	155.497		155.497		Biểu BCNSDP
6	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022	35.641		35.641		

STT	NGUỒN VỐN	KẾ HOẠCH TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG	KẾ HOẠCH SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	CĂN CỨ	GHI CHÚ
7	Nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh còn dư	7.297		7.297		
8	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024		517.055	517.055	Công văn số 29/HĐND-KTNS ngày 14/02/2025 của TT HĐND tỉnh	
1.2	<i>Phân bổ nguồn ngân sách cấp tỉnh</i>	15.388.923	-49.583	15.339.340		
-	Tỉnh quản lý	9.921.208	-112.153	9.809.055		Phụ lục II và các biểu phân bổ chi tiết theo ngành, lĩnh vực;
-	Hỗ trợ mục tiêu cho huyện, thị xã, thành phố	5.467.715	62.570	5.530.285		Phụ lục III
II	NGÂN SÁCH HUYỆN	4.511.560		4.511.560		
1	Cân đối ngân sách địa phương	2.485.820		2.485.820		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuế đất	2.025.740		2.025.740		

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 237 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

DVT. 111

STT	NGÀNH, LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025					Ghi chú
		TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN	ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ CHI TIẾT		SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	
				TĂNG (+)	GIẢM (-)		
10.n	Công trình công cộng tại các đô thị	425.000		-100.000		325.000	
10.o	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	948.697		25.000		973.697	
10.p	Thương mại	15.000				15.000	
11	Hoạt động của các CQ QLNN, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức CT và các tổ chức CT-XH	103.100		0		103.100	
12	Xã hội	78.400		0		78.400	
13	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	-				-	
IV	DỰ PHÒNG	566.638	-566.638				Nguồn dự phòng không còn do không đảm bảo nguồn vốn
V	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 (chưa phân bổ chi tiết)		517.055		-170.000	347.055	Công văn số 29/HĐND-KTNS ngày 14/02/2025 của TT HĐND tỉnh
B	HUYỆN QUẢN LÝ	5.467.715		62.570		5.530.285	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 237 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							113.002	52.642	-	-	52.642	113.002	52.642	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							113.002	52.642	-	-	52.642	113.002	52.642	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							113.002	52.642	-	-	52.642	113.002	52.642	
21	Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh	BCH BĐBP tỉnh	huyện Bến Cầu	DT xây dựng khoảng 2.720m2	2024-2027	3622/QĐ-BQP 10/4/2021; 4639/QĐ-BQP 08/10/2024 (đc)	7424/QĐ-BĐBP 30/12/2024	113.002	52.642			52.642	113.002	52.642	NSDP hỗ trợ phản chi phí BT GPMB 52,642 tỷ đồng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỐNG TIN

(Kèm theo Nghị quyết số 237/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTDĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							14.978	14.978	13.500	13.500	-1.100	12.400	12.400	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							14.978	14.978	13.500	13.500	-1.100	12.400	12.400	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							14.978	14.978	13.500	13.500	-1.100	12.400	12.400	
12	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh, Nhà thi đấu tỉnh, Nhà thi đấu bóng bàn (cũ) trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh	Phường 3, TP. Tây Ninh	Cải tạo, sửa chữa	2023-2025	1634/QĐ-UBND 09/8/2023		14.978	14.978	13.500	13.500	-1.100	12.400	12.400	

Biểu 10.a

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN
(Kèm theo Nghị quyết số 237 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú		
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành		Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)								
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ								272.841	255.000	200.000	15.900	215.900	215.900			
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực								272.841	255.000	200.000	15.900	215.900	215.900			
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025								272.841	255.000	200.000	15.900	215.900	215.900			
c	Lĩnh vực sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư																
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư trên địa bàn thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	xã Hưng Thuận-thị xã Trảng Bàng	10,7 ha	2023-2025	110/NQ-HĐND ngày 22/9/2023			211.808	200.000	200.000	-24.100	175.900	175.900			
2	Nâng cấp đường nội bộ khu tái định cư khu công nghiệp Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	thị xã Trảng Bàng	Nâng cấp, mở rộng 7 tuyến đường nội bộ khu TĐC	2025-2027	686/QĐ-UBND ngày 27/3/2025			61.033	55.000		40.000	40.000	40.000			

ĐVT: Triệu đồng



Biểu 09

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025
LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 237^{NO-HĐND} ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							649.561	649.561	480.000	480.000	-56.268	423.732	423.732	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							649.561	649.561	480.000	480.000	-56.268	423.732	423.732	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							649.561	649.561	480.000	480.000	-56.268	423.732	423.732	
4	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000 m3/ngày - giai đoạn 2	BQL DA ĐT XD huyện Trảng Bàng	thị trấn	đầu tư nhà máy nước thải công suất 10.000m3/ngđ	2022-2025	3067/QĐ-UBND 15/11/2021		299.563	299.563	250.000	250.000	-29.033	220.967	220.967	
5	Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hòa Thành - giai đoạn 2	BQL DA ĐTXD tỉnh	Hòa Thành	6.000m3/ngày đêm	2023-2026	58/NQ-HĐND 20/7/2022		349.998	349.998	230.000	230.000	-27.235	202.765	202.765	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC GIAO THÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 237 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
						Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							1.764.769	1.611.271	898.580	898.580	114.080	1.012.660	1.012.660	1.012.660	
I	Phân bổ theo nhiệm vụ, chương trình							173.687	173.687	5.000	5.000	13.500	18.500	18.500	18.500	
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							173.687	173.687	5.000	5.000	13.500	18.500	18.500	18.500	
13	Nâng cấp đường kết nối với cửa khẩu quốc tế Tân Nam (đoạn từ Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế Tân Nam đến ngã ba giao ĐT.788 và ĐT.783)	Ban QLDA ĐTXD ngành giao thông	huyện Tân Biên	Chiều dài tuyến khoảng 11 km	2024-2025	94/NQ-HĐND 20/7/2023		173.687	173.687	5.000	5.000	13.500	18.500	18.500	18.500	Dự án sử dụng nguồn vốn NSTW
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực							1.591.082	1.437.584	893.580	893.580	100.580	994.160	994.160	994.160	
II.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025							1.591.082	1.437.584	893.580	893.580	100.580	994.160	994.160	994.160	
9	Đường Trường Hòa - Chà Lã (từ Nguyễn Văn Linh đến ĐT.784)	Ban QLDA ĐTXD ngành giao thông	TX Hòa Thành, DMC	5,0km BTN; bmd = 15m, bmd = 16m	2022-2025	3273/QĐ-UBND ngày 01/12/2021		218.884	218.884	193.580	193.580	-17.420	176.160	176.160	176.160	
10	Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4)	Ban QLDA ĐTXD ngành giao thông	TP. Tây Ninh và huyện Dương Minh Châu	Chiều dài tuyến 7,14Km	2024-2027	109/NQ-HĐND 22/9/2023		1.170.778	1.053.700	700.000	700.000	-12.000	688.000	688.000	688.000	
13	Nâng cấp đường ĐT.781 (đoạn từ ngã tư Sư 5 đến ngã tư Tam Hạp)	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	huyện Châu Thành	Chiều dài tuyến 2,81km	2025-2027	688/QĐ-UBND ngày 27/3/2025		70.721	55.000			40.000	40.000	40.000	40.000	
14	Nâng cấp, mở rộng đường Phạm Hùng (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến Quốc lộ 22B)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	tx Hòa Thành	Chiều dài tuyến 1,6km	2025-2027	689/QĐ-UBND ngày 27/3/2025		58.044	45.000			40.000	40.000	40.000	40.000	
15	Nâng cấp, mở rộng đường Chiu Liu	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Tx Trảng Bàng	Chiều dài tuyến 2,7km	2025-2027	690/QĐ-UBND ngày 27/3/2025		72.655	65.000			50.000	50.000	50.000	50.000	

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSDP GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - LĨNH VỰC CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CHO CÁC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH, QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH; CẤP BÙ LÃI SUẤT TÍN DỤNG ƯU ĐÃI, PHÍ QUẢN LÝ; HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN; HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA; HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số **237** /NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Chi chú
						Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ						125.000	100.000	355.000	305.000	25.000	355.000	330.000	
II	Phân bổ theo định mức ngành, lĩnh vực						125.000	100.000	355.000	305.000	25.000	355.000	330.000	
II.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						125.000	100.000	355.000	305.000	25.000	355.000	330.000	
4	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội	NH CSXH	toàn tỉnh		2021-2025	1306/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	125.000	100.000	355.000	305.000	25.000	355.000	330.000	

Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH - HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 237 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025			GHI CHÚ
		TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/ GIẢM (-)	SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	
B	HUYỆN QUẢN LÝ	5.467.715	62.570	5.530.285	
6	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	210.000	62.570	272.570	
I	Thành phố Tây Ninh	483.591	1.100	484.691	
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	3.100	1.100	4.200	
II	Thị xã Hòa Thành	432.985	1.860	434.845	
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	17.390	1.860	19.250	
IV	Huyện Dương Minh Châu	631.758	15.670	647.428	
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	37.000	15.670	52.670	
V	Thị xã Trảng Bàng	661.893	39.865	701.758	

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025			GHI CHÚ
		TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/ GIẢM (-)	SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	70.400	39.865	110.265	
VII	Huyện Bến Cầu	667.613	1.815	669.428	
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	11.100	1.815	12.915	
VIII	Huyện Tân Biên	514.392	2.260	516.652	
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	5.500	2.260	7.760	